

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 2-3 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 4 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 5-6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 7-19 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã Tổng giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|---|
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Mạnh Phú | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017) |
| Ông Nguyễn Ngọc Khánh | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Dung | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017) |
| Ông Trần Thanh Hải | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 30/05/2017) |
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Trọng Quỳnh | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Quách Mạnh Hào | Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 30/05/2017) |
| Ông Nguyễn Minh Chính | Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27/09/2017) |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|--------------------|--|
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Thanh Hải | Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 19/09/2017) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 67.803.369.417 | 42.692.196.242 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 65.692.390.077 | 2.225.444.575 |
| 1. Tiền | 111 | | 65.692.390.077 | 2.225.444.575 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.110.979.340 | 40.466.751.667 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 600.000.000 | - |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 6 | 1.138.750.000 | 40.000.000.000 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 372.229.340 | 466.751.667 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 801.512.893.845 | 284.886.927.645 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 751.987.806 | - |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 751.987.806 | - |
| - Nguyên giá | 222 | | 802.350.909 | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (50.363.103) | - |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 9 | 800.679.435.839 | 284.853.700.000 |
| 1. Đầu tư vào Công ty con | | | 801.991.000.000 | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | 284.000.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 599.100.000 | 853.700.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.910.664.161) | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 81.470.200 | 33.227.645 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 81.470.200 | 33.227.645 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 869.316.263.262 | 327.579.123.887 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 17.643.253.425 | 3.002.518.673 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 17.643.253.425 | 3.002.518.673 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 11 | 18.495.500 | 3.000.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 50.000.000 | 50.000.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 12 | 16.079.518.133 | 2.785.479.887 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 13 | 134.000.000 | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 14 | 283.000.000 | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 15 | 18.239.792 | 164.038.786 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 16 | 1.060.000.000 | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | - |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | | | - |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | | - |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 851.673.009.837 | 324.576.605.214 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 851.673.009.837 | 324.576.605.214 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 688.800.000.000 | 313.010.600.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 90.074.070.000 | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 72.798.939.837 | 11.566.005.214 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 11.566.005.214 | (298.875.129) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 61.232.934.623 | 11.864.880.343 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 869.316.263.262 | 327.579.123.887 |



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Q3/2017 | Q3/2016 | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 | Đơn vị: VND Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 |
|--|-------|-------------|----------------|---------------|------------------------------|---|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 18 | 37.555.176.136 | - | 71.604.376.136 | 11.598.970.340 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 37.555.176.136 | - | 71.604.376.136 | 11.598.970.340 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 19 | 218.296.800 | - | 452.324.400 | 11.525.270.440 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 37.336.879.336 | - | 71.152.051.736 | 73.699.900 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 20 | 17.539.604 | - | 8.864.968.276 | 1.393.489.882 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 21 | 1.843.756.661 | - | 2.163.864.940 | 228.194.338 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | - | 204.746.612 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 22 | 413.078.900 | 185.474.132 | 1.285.900.428 | 912.971.470 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 35.097.583.379 | (185.474.132) | 76.567.254.644 | 326.023.974 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | 20.031.467 | 12.413.636 | 20.031.467 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 3.957.700 | 1 | 3.957.709 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | - | 16.073.767 | 12.413.635 | 16.073.758 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 35.097.583.379 | (169.400.365) | 76.579.668.279 | 342.097.732 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 23 | 7.019.516.676 | - | 15.346.733.656 | 42.524.595 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 28.078.066.703 | (169.400.365) | 61.232.934.623 | 299.573.137 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - | - | - |



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

